TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG GIANG** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HS-ST
Ngày 24/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Quang.
Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Lê;
+ Ông Đỗ Hữu Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mạc Văn Hinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Y Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Vũ Văn T, sinh ngày 22/12/1982 tại xã A, huyện Đ, Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn S, xã A, huyện Đ, Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Văn L (chết) và con bà: Nguyễn Thị P (chết); có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05/4/2007 bị cáo Vũ Văn T bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích với số tiền 1.500.000 đồng; bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 24/4/2018, có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn H (tên gọi khác: X), sinh ngày 17/7/1992 tại xã J, huyện Đ, Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn A, xã J, huyện Đ, Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn S (chết) và con bà: Trần Thị M (1964); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 24/4/2018, có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự:

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đa Lây L, sinh năm: 1979, Chức vụ: Chủ tịch.

Trú tại: Thôn T, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

2. Ban quản lý rừng phòng hộ S.

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Văn M, sinh năm 1965, Chức vụ: Giám đốc.
Trú tại: Tổ 06, Hòa K, L, Đà Nẵng. (có mặt)
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
1/ Vũ Văn C, sinh năm 1978; (có mặt).
2/ Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984; (có mặt).
Cùng địa chỉ: Thôn S, xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
3/ Nguyễn Thị T2, sinh năm 1977; (vắng mặt).
4/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Thôn B, xã J, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
5/ Trần Quốc D, sinh năm 1989; (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, TP. Đà Nẵng.
6/ Hồng H, sinh năm 1975; (vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ 6, phường H, quận C, TP. Đà Nẵng.
7/ Bnước H, sinh năm 1983; (có mặt).
8/ Ating B, sinh năm 1993; (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn L, xã J, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
9/ ARất R, sinh năm 1982; (có mặt).
Địa chỉ: Thôn K, xã J, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
10/ ARất N, sinh năm 1990; (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn A, xã J, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
11/ ALăng H, sinh năm 1982; (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn A, xã J, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
12/ Lê Văn T, sinh năm 1975; (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.
- *Người làm chứng*: Nguyễn A, sinh năm 1963; (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn V, Đại Đ, Đại L, Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3 năm 2017, Vũ Văn T đi kiếm hạt mây tại khu rừng phòng hộ là rừng tự nhiên thuộc Khoảnh 8, 9, Tiểu khu 41, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; T thấy một số cây gỗ lớn có thể khai thác để bán kiếm tiền. Đến đầu tháng 4 năm 2017, T đến nhà bà Nguyễn Thị T2 *(sinh năm: 1977; trú tại thôn B, xã J, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam)* hỏi về giá cả của việc mua bán gỗ. Sau đó, T rủ Nguyễn H *(là em vợ của T)* cùng vào rừng khai thác gỗ để bán kiếm tiền thì H đồng ý. T chuẩn bị cưa máy, xăng nhớt, rựa, thước kéo, dây mực, bộ dụng cụ dùng để trâu kéo gỗ và 01 con trâu. Sau khi đã chuẩn bị xong, H sử dụng xe mô tô biển số 92T1- 011.39 chở T cùng các công cụ khai

thác gỗ đi theo đường liên xã J – Z đến một lán trại (duông) của người dân địa phương và để xe mô tô tại đây, T và H mang theo các công cụ khai thác gỗ đi bộ theo con đường mòn ven suối khoảng 30 phút thì đến địa điểm khai thác gỗ. Tại đây, H dùng rựa phát dọn cây bụi xung quanh gốc cây gỗ, T dùng cưa máy cưa hạ cây gỗ ngã xuống. T và H dùng thước kéo đo thân cây gỗ để T dùng cưa máy cắt cây gỗ ra thành các lóng gỗ tròn có chiều dài khoảng từ 2 m đến 2,5 m; T, H kê các lóng gỗ tròn, dùng thước và dây mực để đo, búng mực cho T dùng cưa máy xẻ các lóng gỗ tròn ra thành từng phách gỗ có kích thước khoảng rộng từ 25cm đến 40cm, dày từ 15cm đến 30cm. T và H dùng con trâu của T kéo từng phách gỗ đã khai thác được theo đường khe suối ra để gần đường liên xã J – Z. Sau đó, T liên hệ bán gỗ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn T. Với cách thức như trên trong thời gian liên tục từ tháng 4/2017 đến ngày 08/3/2018, tại khu rừng phòng hộ là rừng tự nhiên thuộc Khoảnh 8, 9, Tiểu khu 41, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, Vũ Văn T và Nguyễn H khai thác được 15 cây gỗ rừng có tổng khối lượng gỗ tròn (khối lượng cây đứng) là 32,178 m^3 *(gồm: 07 cây gỗ Chò Xanh nhóm V có khối lượng 10,177 m^3, 04 cây gỗ Trám Trắng nhóm VII có khối lượng 11,951 m^3, 04 cây gỗ Xương Cá nhóm VI có khối lượng 10,05 m^3)* và đã xẻ ra được khoảng 51 phách gỗ xẻ và 02 lóng gỗ tròn; hiện còn để lại tại hiện trường khai thác 08 phách gỗ xẻ và 02 lóng gỗ tròn. Riêng ngày 08/3/2018, có Vũ Văn C mang theo cưa máy cùng với T và H khai thác 01 cây gỗ rừng, chủng loại Trám Trắng nhóm VII có khối lượng gỗ tròn là 3,217 m^3, khi đang xẻ cây gỗ ra thành từng phách thì bị Tổ công tác Công an huyện Đông Giang phát hiện, lập biên bản, thu giữ tang vật.

Theo các Biên bản xác định gỗ và lời khai của Vũ Văn T và Nguyễn H: Tổng số gỗ đã được kéo ra khỏi nơi khai thác là khoảng 43 phách gỗ; trong đó: Công an xã Jơ Ngây, Đông Giang thu giữ 04 phách gỗ có khối lượng 1,253 m^3 vào ngày 22/12/2017 *(chủng loại: Chò Xanh 02 phách, Xương Cá 02 phách; khi thu giữ Công an xã Jơ Ngây đã xẻ 04 phách gỗ này thành 05 phách gỗ)*; còn lại khoảng 39 phách gỗ, T điện thoại và bán cho vợ chồng Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T *(trú tại: thôn B, xã J, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam)* với khoảng 11 lần tại khu vực gần đường liên xã J – Z. Tuy nhiên, T và H chỉ nhớ được 02 lần bán gỗ, cụ thể: Vào đêm ngày 07, rạng sáng ngày 08/01/2018, bán 03 phách gỗ *(chủng loại: Chò Xanh 02 phách, Xương Cá 01 phách)* có tổng khối lượng là 0,792 m^3 với giá 2.500.000 đồng, sau khi trừ chi phí, T chia cho H 600.000 đồng và 01 lần ngày 06/3/2018, bán 04 phách gỗ Trám Trắng có khối lượng 0,964 m^3 với giá 3.500.000 đồng, T giữ số tiền này, chưa chia cho H. Còn lại khoảng 9 lần trước đó thì cả hai không nhớ đã bán cho vợ chồng bà T2, ông T vào thời gian nào, khối lượng gỗ và số tiền bao nhiêu; tổng số tiền bán gỗ có được trừ chi phí khai thác, công trâu kéo, còn lại T và H chia đều nhau (không nhớ chia được bao nhiêu tiền) để tiêu xài. Mặt khác, theo lời khai của bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn T chỉ thừa nhận có mua gỗ của T, H 02 lần (Trong đó: Bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn T mua gỗ 01 lần vào đêm ngày 07, rạng sáng ngày 08/01/2018 và ông Nguyễn Văn T mua gỗ 01 lần ngày 06/3/2018) như các bị cáo đã khai.

Qua điều tra xác định: Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T2 có mua gỗ của Vũ Văn T, Nguyễn H, Bnước H, ATing B và mua của 01 người dân địa phương không nhớ họ tên địa chỉ; sau đó bán lại cho Trần Quốc D, Hồng H, cụ thể:

- Đêm ngày 07 rạng sáng ngày 08/01/2018, tại nhà của mình, Nguyễn Thị T2 bán cho Trần Quốc D *(tên gọi khác: X, sinh năm: 1989; trú tại: thôn T, xã H, huyện H, Đà Nẵng)* 08 phách gỗ Trám Đen có khối lượng là 1,001 m^3 với giá 2.000.000 đồng *(08 phách gỗ này Nguyễn Thị T2 mua trước đó của người dân địa phương không nhớ họ tên địa chỉ tại nhà của mình với giá 1.800.000 đồng)*. Trần Quốc D mượn xe ô tô tải biển số 92C – 107.22 của bà T2 chở 08 phách gỗ này và bà T2 cùng đến đoạn đường liên xã J- Z gặp Nguyễn Văn T và Hồng H *(tên gọi khác: B, sinh năm: 1975; trú tại: Tổ 06, phường H, quận C, TP. Đà Nẵng)*. Tại đây, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị T2 mua của T, H 03 phách gỗ *(chủng loại: Chò Xanh 02 phách, Xương Cá 01 phách)* có tổng khối lượng là 0,792 m^3 với giá 2.500.000 đồng, mua của Bnước H 06 phách gỗ *(chủng loại: Chò Xanh 04 phách, Xoan Đào 02 phách)* có tổng khối lượng là 0,891 m^3 với giá 2.300.000 đồng và mua của ATing B 03 phách Chò Xanh có tổng khối lượng là 0,438 m^3 với giá 1.200.000 đồng; tất cả 12 phách gỗ này, vợ chồng bà T2, ông T bán cho Trần Quốc D và Hồng H. Trần Quốc D, Hồng H bán lại 20 phách gỗ trên cho một người không rõ họ tên, địa chỉ và bốc toàn bộ số gỗ này lên một chiếc xe ô tô tải ben không rõ biển số xe. Quá trình vận chuyển, xe ben bị lực lượng Công an xã Z, Đ, Quảng Nam yêu cầu dừng xe kiểm tra thì người lái xe điều khiển xe ô tô tải ben bỏ chạy, sau đó đã đổ toàn bộ số gỗ (gồm 29 phách) có trên xe xuống đường rồi tiếp tục bỏ chạy, đến nay chưa xác định được người mua gỗ, người lái xe ô tô tải ben nói trên.

- Ngày 06/3/2018, Nguyễn Văn T mua 04 phách gỗ Trám Trắng có khối lượng 0,964 m^3 với giá 3.500.000 đồng của T, H và xẻ ra thành 32 phách gỗ.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, xác định: Khoảng tháng 6, tháng 12 năm 2017, Bnước H *(sinh năm: 1983; trú tại: thôn L, xã J, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam)* khai thác trái phép 02 cây gỗ rừng *(gồm: 01 cây Chò Xanh và 01 cây Trám Trắng)* có tổng khối lượng cây đứng (khối lượng gỗ tròn) 4,104 m^3 tại Khoảnh 10, 11 thuộc Tiểu khu 41, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và thuê Arất N, Arất R và Alăng H người cùng xã vận chuyển số gỗ khai thác được từ rừng về khu vực đường liên xã J – Z. Khoảng tháng 9/2017, ATing B *(sinh năm: 1993; trú tại: thôn L, xã J, huyện Đg, tỉnh Quảng Nam)* khai thác trái phép 03 cây gỗ rừng *(gồm: 02 cây Chò Xanh và 01 cây Giẻ Bộp)* có sản lượng cây đứng (khối lượng gỗ tròn) là 4,981 m^3 tại Khoảnh 3 thuộc Tiểu khu 140, xã Z, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Tại bản kết luận ngày 29/5/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 15 cây gỗ rừng *(gồm: 07 cây Chò Xanh nhóm V, 04 cây Trám Trắng nhóm VII và 04 cây Xương Cá nhóm VI)* có tổng sản lượng cây đứng là 32,178 m^3 có tổng giá trị là 525.002.500 đồng, trong đó giá trị về lâm sản là 105.000.500 đồng, giá trị thiệt hại về môi trường là 420.002.000 đồng.

Vật chứng thu giữ được bao gồm:

- 20 mẫu gỗ được cưa từ các gốc chặt được ký hiệu theo số thứ tự 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 kèm theo ký hiệu ngày khám nghiệm hiện trường 21.3.18 *(khám nghiệm hiện trường ngày 21/3/2018)*.

- 08 mẫu gỗ được cưa từ các gốc chặt được ký hiệu theo số thứ tự 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08 kèm theo ký hiệu ngày khám nghiệm hiện trường 22.3.18 *(khám nghiệm hiện trường ngày 22/3/2018)*.

- 08 phách gỗ xẻ có khối lượng 2,299 m^3 *(gồm Trám Trắng: 06 phách có khối lượng 1,854 m^3, Xương cá: 02 phách khối lượng 0,445 m^3)*; 05 lóng gỗ tròn có khối lượng 9,353 m^3 *(gồm Xương cá: 02 lóng có khối lượng 3,590 m^3, Trám Trắng: 03 lóng có khối lượng 5,763 m^3)* còn tại hiện trường, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã giao cho Ủy ban nhân dân xã T và Ban quản lý rừng phòng hộ S quản lý và bảo quản.

- 70 phách gỗ xẻ có khối lượng 7,725 m^3 hiện đang tạm giữ tại Công an huyện Đ, Quảng Nam, trong đó:

+ 29 phách gỗ xẻ có khối lượng 5,065 m^3 *(do Công an xã Z phát hiện và tạm giữ ngày 08/01/2018).*

+ 09 phách gỗ xẻ có khối lượng 1,862 m^3 *(do Công an xã J phát hiện 07 phách gỗ xẻ có khối lượng 1,862 m^3, đã cưa ra thành 09 phách gỗ để tạm giữ vào ngày 22/12/2017).*

+ 32 phách gỗ xẻ có khối lượng 0,798 m^3 *(được xẻ ra từ 04 phách gỗ xẻ mà T đã bán cho Nguyễn Văn T vào ngày 06/3/2018).*

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS màu sơn đỏ - đen mang biển số: 92T1 - 011.39 của Nguyễn H và 01 xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS màu sơn vàng - đen mang biển số: 92T1 - 013.52 của Vũ Văn C.

- 02 cưa máy trong đó: 01 cưa máy nhãn hiệu STIHL MS381 thân máy vỏ nhựa màu cam có lưỡi cưa dài 70 cm của Vũ Văn T và 01 cưa máy nhãn hiệu STIHL MS381 thân máy có vỏ nhựa màu cam có lưỡi cưa dài 80 cm của Vũ Văn C.

- 01 cái rựa dài 66 cm (lưỡi bằng kim loại dài 30 cm, cán bằng gỗ dài 36 cm); 01 thước kéo dài 03 m; 01 dây mực dài 3,2 m.

- 01 điện thoại nhãn hiệu MOBISTAR, màu xám của Nguyễn H có số thuê bao là 01628977796 và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu xanh của Vũ Văn C.

- 01 điện thoại nhãn hiệu GOLY màu trắng của Vũ Văn T có số thuê bao là 01628499709.

- 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 000668 mang tên chủ xe Nguyễn H.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu: THACO, màu sơn: màu xanh mang biển số: 92C – 107.22 của Nguyễn Thị T2.

Đối với 01 con trâu, T bán được 35.000.000 đồng đã nộp cho Ngân hàng để trả nợ và 01 bộ dụng cụ kéo trâu (gồm xích, nỉa, đinh nỉa, ách) để trong rừng không xác định được vị trí nên không thu giữ được.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT- VKSĐG ngày 26/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Đ truy tố các bị cáo Vũ Văn T và Nguyễn H về tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo Điểm d Khoản 3 Điều 232 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, qua phần xét hỏi và tranh luận công khai, trên cơ sở đánh giá toàn bộ nội dung vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện VKSND huyện Đ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) áp dụng Điểm d Khoản 3 Điều 232; Điểm b, r, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm a Khoản 1 Điều 52; Điều 54 BLHS; xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 36 đến 42 tháng tù và bị cáo Nguyễn H từ 24 đến 30 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX tuyên buộc:

- Các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn H liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại về lâm sản và thiệt hại về môi trường do hành vi khai thác trái phép cây gỗ từ rừng tự nhiên thuộc rừng phòng hộ của 08 cây gỗ *(cây số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08)* tại Khoảnh 8 Tiểu khu 41 với tổng thiệt hại 306.627.500 đồng để thu nộp ngân sách nhà nước;

- Các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn H liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại về lâm sản và thiệt hại về môi trường do hành vi khai thác trái phép cây gỗ từ rừng tự nhiên thuộc rừng phòng hộ của 06 cây gỗ *(cây số 13, 14, 15, 16, 17, 19)* tại Khoảnh 9, Tiểu khu 41 cho Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Kôn với số tiền là 186.205.000 đồng; Riêng cây số 20 tại Khoảnh 9, Tiểu khu 41 thì buộc các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn H và ông Vũ Văn C liên đới bồi thường thiệt hại về lâm sản với số tiền 6.434.000 đồng cho Ban quản lý rừng phòng hộ S. Bị cáo Vũ Văn T đã nộp số tiền là 15.000.000 đồng và bị cáo Nguyễn H đã nộp số tiền là 5.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ nên được khấu trừ trong số tiền phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ S.

Về vật chứng: Đề nghị HĐXX:

- Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại nhãn hiệu MOBISTAR màu xám và 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu đỏ đen biển kiểm soát 92T1-011.39 của Nguyễn H;

+ 01 cưa máy nhãn hiệu STIHL MS381 màu cam, có lưỡi lam dài 70 cm và 01 điện thoại nhãn hiệu GOLY màu trắng của Vũ Văn T;

+ 40 phách gỗ xẻ có khối lượng 2,843 m^3 do cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đang tạm giữ *(trong đó: 04 phách Chò Xanh có khối lượng 1,187 m^3, 32 phách Trám Trắng có khối lượng 0,798 m^3, 04 phách Xương cá khối lượng 0,858 m^3)*;

+ 08 phách gỗ xẻ có khối lượng 2,299 m^3 *(gồm Trám Trắng: 06 phách có khối lượng 1,854 m^3, Xương cá: 02 phách khối lượng 0,445 m^3)*; 01 lóng gỗ tròn Trám Trắng có khối lượng 0,710 m^3 còn tại hiện trường mà Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ S quản lý, bảo quản.

+ 01 lóng gỗ tròn Xương cá khối lượng 2,827 m^3 còn tại hiện trường mà Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã giao cho UBND xã T quản lý, bảo quản.

- Truy thu 1/2 số tiền bán trâu của Vũ Văn T là 17.500.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước *(vì con trâu là tài sản chung của vợ chồng Vũ Văn T và Nguyễn Thị T).*

- Tiếp tục thu giữ giấy đăng ký xe mô tô số: 000668 mang tên chủ xe Nguyễn H để đảm bảo thi hành án.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 cái rựa dài 66 cm (lưỡi bằng kim loại dài 30 cm, cán bằng gỗ dài 36 cm); 01 thước kéo màu xanh dài 03 m; 01 dây mực màu đen dài 3,2 m (là công cụ sử dụng khi khai thác gỗ của Vũ Văn T); 02 sim có số thuê bao 01628977796 và 01628499709 (là phương tiện T và H sử dụng để liên lạc trong quá trình khai thác gỗ); 15 mẫu gỗ được cưa từ các gốc chặt được ký hiệu theo số thứ tự 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 13, 14, 15, 16, 17, 19, 20 kèm theo ký hiệu ngày khám nghiệm hiện trường 21.3.18.

Đại diện Nguyên đơn dân sự đồng ý với ý kiến của Kiểm sát viên (sau đây viết tắt là KSV) đề nghị HĐXX buộc các bị cáo và ông Vũ Văn C bồi thường thiệt hại cho Ban quản lý rừng phòng hộ S và Nhà nước theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo đã nhận thấy được hành vi phạm tội của mình; đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh bản thân và gia đình để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo có điều kiện sớm hòa nhập với cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, nguyên đơn dân sự và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Vũ Văn T và Nguyễn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản sự việc quả tang và biên bản khám nghiệm hiện trường; phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, đánh giá tranh luận công khai tại phiên tòa. Như vậy, với mục đích khai thác gỗ bán lấy tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã liều lĩnh, manh động, xem thường pháp luật, xem thường tài sản của Nhà nước. Liên tục trong thời gian từ tháng 4/2017 đến ngày 08/3/2018, tại khu rừng phòng hộ là rừng tự nhiên thuộc Khoảnh 8, 9, Tiểu khu 41, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, các bị cáo đã cấu kết với nhau tổ chức, phân công nhiệm vụ cho nhau để khai thác trái phép 15 cây gỗ rừng có tổng khối

lượng gỗ tròn (sản lượng cây đứng) là 32,178m^3 thành gỗ lóng và gỗ phách. Trong đó, có 07 cây gỗ Chò Xanh thuộc nhóm V, có khối lượng 10,177 m^3, 04 cây gỗ Trám Trắng thuộc nhóm VII, có khối lượng 11,951 m^3 và 04 cây gỗ Xương Cá thuộc nhóm VI, có khối lượng 10,05 m^3. Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ ngày 29/5/2018 thiệt hại các bị cáo gây ra có tổng giá trị là 525.002.500 đồng, trong đó giá trị về lâm sản là 105.000.500 đồng, giá trị thiệt hại về môi trường là 420.002.000 đồng.

Vì vậy, HĐXX xét thấy có đủ cơ sở khẳng định VKSND huyện Đ truy tố các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn H về tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo Điểm d Khoản 3 Điều 232 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về năng lực chịu trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo T, H là người trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, hiểu biết pháp luật nhưng vì xem thường pháp luật mà các bị cáo đã phạm tội.

[4] Xét tính chất vụ án là trật tự quản lý kinh tế được Nhà nước bảo vệ và yêu cầu mọi người phải tôn trọng. Các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn H đã cấu kết tổ chức khai thác gỗ trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, gây thiệt hại rất nghiêm trọng đến tài sản Nhà nước, làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, xâm phạm đến tài nguyên rừng. Mặc dù các bị cáo phạm tội lần đầu, nhưng gây hậu quả rất nghiêm trọng, do đó cần phải có mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét vai trò của từng bị cáo thì thấy mỗi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ở mức độ có khác nhau:

Bị cáo T là người chủ mưu, cầm đầu, tổ chức thực hiện tội phạm. Sau khi phát hiện số cây gỗ rừng, T đã rủ rê H thực hiện, bị cáo T là người chuẩn bị dụng cụ để khai thác gỗ và một con trâu để kéo gỗ, trực tiếp khai thác gỗ, tìm người mua để bán gỗ trái phép và phân chia tiền bán gỗ cho H. Như vậy trong vụ án có đồng phạm này, bị cáo T giữ vai trò vừa là người cầm đầu vừa là người thực hành tích cực nhất, nên cần phải xử bị cáo T với mức án cao hơn bị cáo H.

Đối với bị cáo H, bị cáo tham gia vụ án với vai trò là người giúp sức. Sau khi nghe T rủ khai thác gỗ thì H đồng ý tham gia và sử dụng xe mô tô của mình chở T và các công cụ khai thác gỗ vào rừng. Trong vụ án này H có nhiệm vụ phụ cưa, phát dọn xung quanh, đo cây, kê gỗ để T cưa ra thành phẩm và nhận tiền bán gỗ từ T. Tuy hành vi của H có nhẹ hơn T nhưng cũng cần xử nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian thì mới có tác dụng giáo dục.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi hoàn toàn cố ý, tội phạm được thực hiên là tội rất nghiêm trọng (khai thác trái phép trên 30m^3 gỗ), có một tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức; bị cáo T có nhân thân không tốt (ngày 05/4/2007 bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương

tích với số tiền 1.500.000 đồng), do đó cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thấy được tội lỗi gây ra nên đã thành khẩn khai báo nhận tội, tỏ rõ thái độ ăn năn hối hận; các bị cáo đã tự thú khai ra những lần khai thác trái phép cây gỗ rừng trước khi bị phát hiện; các bị cáo tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả thiệt hại do mình gây ra; bị cáo H có nhân thân tốt; bị cáo T có con còn nhỏ dại; các bị cáo không có tiền án, tiền sự và phạm tội lần đầu, là những lao động chính trong gia đình; bị cáo T có cha ruột là Vũ Văn L được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến, Chiến sỹ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; bị cáo H có bà ngoại là Lê Thị L được Nhà nước tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, ông ngoại là Trần L được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạnh Ba, có 02 cậu ruột là liệt sỹ, gia đình thuộc diện thôn đặc biệt khó khăn xã khu vực II vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2016-2020. Do vậy, HĐXX thấy cần thiết áp dụng những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, r, s Khoản 1, 2 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt là thỏa đáng. Xét đề nghị của KSV áp dụng Điều 54 BLHS để xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho các bị cáo là phù hợp với pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tách hồ sơ để xử lý hành vi vi phạm hành chính và tiếp tục điều tra các đối tượng liên quan đến vụ án, HĐXX xét thấy phù hợp nên không đề cập, cụ thể như sau:

- Tách hồ sơ để xử lý hành vi vi phạm hành chính:

+ Hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ Trám Trắng nhóm VII có khối lượng gỗ tròn là 3,217 m^3 của Vũ Văn C cùng các tang vật kèm theo gồm: 01 cưa máy nhãn hiệu STIHL MS381 có lưỡi lam dài 80 cm, 01 xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS màu sơn vàng - đen mang biển số: 92T1 - 013.52 và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu xanh của Vũ Văn C.

+ Hành vi mua bán gỗ trái phép của Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T, Trần Quốc D, Hồng H, cùng các tang vật kèm theo gồm: 17 phách gỗ có khối lượng 2,330 m^3 (*08 phách gỗ của bà T2 bán cho ông D; bà T2, ông T mua 03 phách gỗ của ATing B, mua 06 phách gỗ của Bnước H)* và 01 xe ô tô mang biển số: 92C – 107.22 của Nguyễn Thị T2.

+ Hành vi của Bnước H khai thác trái phép 02 cây gỗ rừng *(gồm: 01 cây Chò Xanh nhóm V và 01 cây Trám Trắng nhóm VII)* có tổng khối lượng cây đứng (khối lượng gỗ tròn) 4,104 m^3 và làm rõ đối tượng khai thác 06 cây gỗ rừng còn lại tại Khoảnh 10, 11, Tiểu khu 41 thuộc xã T, Đ, tỉnh Quảng Nam, kèm theo 08 mẫu gỗ được cưa từ 08 gốc cây *(gồm: 01 cây Chò Xanh nhóm V, 02 cây Trám Trắng nhóm VII, 01 cây Giẻ đỏ nhóm V, 01 cây Xoan đào nhóm VI, 01 cây Re Hương nhóm IV và 02 cây Vang Trứng nhóm VII)* và 01 lóng gỗ tròn Trám Trắng nhóm VII có khối lượng 0,530 m^3 *(khám nghiệm hiện trường ngày 22/3/2018).*

+ Hành vi của Ating B khai thác trái phép 03 cây gỗ rừng *(gồm: 02 cây Chò Xanh nhóm V và 01 cây Giẻ Bộp nhóm VII)* có sản lượng cây đứng (khối lượng gỗ tròn) là 4,981 m^3 tại Khoảnh 3 thuộc Tiểu khu 140, xã Z, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

+ Riêng hành vi vận chuyển gỗ thuê của Arất N, Arất R và Alăng H cho Bnước H, qua đấu tranh N, R, H thừa nhận hành vi vi phạm của mình nhưng quá trình điều tra không xác định được khối lượng gỗ mà các đối tượng vận chuyển nên không có cơ sở để xử lý.

- Tiếp tục điều tra, xác minh để làm rõ hành vi và xử lý sau theo đúng quy định của pháp luật:

+ Đối với 05 gốc cây rừng *(gồm: 01 gốc cây Trám Trắng nhóm VII, 01 gốc cây Xương Cá nhóm VI, 02 gốc cây Xoan Đào nhóm VI, 01 gốc cây Lim Xẹt nhóm V)* kèm theo 05 mẫu gỗ *(được cưa từ các gốc chặt được ký hiệu 09, 10, 11, 12, 18 kèm theo ký hiệu ngày khám nghiệm hiện trường 21.3.18)* và 02 lóng gỗ tròn có khối lượng 5,286 m^3 *(gồm: 01 lóng gỗ tròn Trám Trắng nhóm VII có khối lượng 4,523 m^2, 01 lóng gỗ tròn Xương Cá nhóm VI có khối lượng 0,763 m^2)* còn lại tại hiện trường Khoảnh 8, 9 Tiểu khu 41 thuộc xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, qua điều tra chưa xác định được đối tượng khai thác *(khám nghiệm hiện trường ngày 21/3/2018)*.

+ Đối với xe ô tô tải ben (không rõ đặc điểm và biển kiểm soát) vận chuyển gỗ trong đêm ngày 07, rạng sáng ngày 08/01/2018 tại khu vực đường liên xã J – Z và 09 phách gỗ Chò Xanh có khối lượng 1,943 m^3; 04 phách gỗ Trám Trắng có khối lượng 0,609 m^3 (do Công an xã J phát hiện ngày 22/12/2017) qua điều tra chưa xác định được đối tượng.

+ Đối với các cán bộ làm công tác quản lý, bảo vệ rừng trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra việc khai thác trái phép cây rừng thuộc địa phận quản lý của mình trong một thời gian dài mới phát hiện, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tách ra và tiếp tục điều tra làm rõ mức độ vi phạm để xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tổng thiệt hại cho hành vi khai thác trái phép cây rừng của bị cáo Vũ Văn T, bị cáo Nguyễn H và ông Vũ Văn C gây ra cho Ban quản lý rừng phòng hộ S là 218.375.000đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo và ông Vũ Văn C phải bồi thường giá trị thiệt hại về lâm sản và môi trường của 06 cây gỗ gồm các cây gỗ số 13, 14, 15, 16, 17, 19 (theo kết quả khám nghiệm hiện trường) có tổng giá trị là 186.205.000 đồng. Riêng cây gỗ số 20 (theo kết quả khám nghiệm hiện trường) đã bị chết trước khi khai thác nên không yêu cầu bồi thường giá trị về môi trường, chỉ yêu cầu bồi thường giá trị về lâm sản là 6.434.000đồng; HĐXX xét thấy yêu cầu bồi thường của nguyên đơn dân sự Ban quản lý rừng phòng hộ S là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật được quy định tại các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận. HĐXX buộc bị cáo Vũ Văn T, bị cáo Nguyễn H và ông Vũ Văn C phải liên đới bồi thường, cụ thể:

Đối với 06 cây gỗ số 13, 14, 15, 16, 17, 19 do bị cáo T và H khai thác; trong đó T với vai trò chủ mưu vừa là thực hành và hưởng phần ăn chia bán gỗ trái phép nhiều hơn

nên chia phần bồi thường nhiều hơn so với bị cáo H theo tỷ lệ 6:4; trong đó: Bị cáo Vũ Văn T bồi thường 111.723.000 đồng, bị cáo Nguyễn H bồi thường 74.482.000đồng.

Đối với cây gỗ số 20 do T, H, C khai thác, trong đó T, C trực tiếp cưa xẻ gỗ, H phụ cưa nên chia phần bồi thường theo tỷ lệ 4:2:4; trong đó: Bị cáo Vũ Văn T bồi thường 2.573.600 đồng, bị cáo Nguyễn H bồi thường 1.286.800 đồng, ông Vũ Văn C bồi thường 2.573.600 đồng.

Như vậy, tổng cộng các bị cáo và ông Vũ Văn C phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ S số tiền 192.639.000 đồng, cụ thể là: Bị cáo Vũ Văn T bồi thường số tiền 114.296.600 đồng, bị cáo Nguyễn H bồi thường số tiền 75.768.800 đồng, ông Vũ Văn C bồi thường số tiền 2.573.600 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo T, H đồng ý lấy số tiền đã nộp (bị cáo T đã nộp 15.000.000 đồng, bị cáo H đã nộp 5.000.000 đồng) bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ S, nên được trừ trong số tiền trên.

Tổng thiệt hại cho hành vi khai thác trái phép cây rừng của các bị cáo gây ra cho Ủy ban nhân dân xã T là 306.627.500 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã T yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 306.627.500 đồng để nộp ngân sách nhà nước. HĐXX xét thấy yêu cầu bồi thường của Ủy ban nhân dân xã T là phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận. HĐXX buộc bị cáo Vũ Văn T, bị cáo Nguyễn H phải liên đới bồi thường, trong đó T với vai trò chủ mưu vừa là thực hành và hưởng phần ăn chia bán gỗ trái phép nhiều hơn nên chia phần bồi thường theo tỷ lệ 6:4; trong đó: Bị cáo Vũ Văn T bồi thường 183.976.500 đồng, bị cáo Nguyễn H bồi thường 122.651.000 đồng.

[8] Về vật chứng:

Đối với 08 (tám) phách gỗ xẻ có khối lượng 2,299 m^3 (trong đó Trám Trắng: 06 (sáu) phách có khối lượng 1,854m^3, Xương cá: 02 (hai) phách có khối lượng 0,445m^3); 02 (hai) lóng gỗ tròn có khối lượng 3,537m^3 (gồm Xương cá: 01 (một) lóng có khối lượng 2,827m^3, Trám trắng: 01 (một) lóng có khối lượng 0,710m^3) còn tại hiện trường. Số gỗ này là vật do phạm tội mà có và là vật do Nhà nước cấm lưu hành khi chưa có phép nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 03 (ba) phách gỗ xẻ có khối lượng 0,792m^3 *(trong đó Xương cá: 01 (một) phách có khối lượng 0,251m^3, Chò xanh: 02 (hai) phách có khối lượng 0,541m^3)* do Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị T2 mua của T, H; 05 (năm) phách gỗ xẻ có khối lượng 1,253m^3 *(trong đó Xương cá: 03 (ba) phách có khối lượng 0,607m^3, Chò xanh: 02 (hai) phách có khối lượng 0,646m^3)* do Công an xã J thu của T, H; 32 (ba mươi hai) phách gỗ xẻ Trám trắng có khối lượng 0,798m^3 do T bán cho Nguyễn Văn T. Tất cả số gỗ này là vật do phạm tội mà có là vật Nhà nước cấm lưu hành khi chưa có phép nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS màu sơn đỏ - đen mang biển số: 92T1 - 011.39 và điện thoại nhãn hiệu MOBISTAR, màu xám của Nguyễn H cũng như cưa máy nhãn hiệu STIHL MS381 thân máy vỏ nhựa màu cam có lưỡi cưa dài 70 cm và

điện thoại nhãn hiệu GOLY màu trắng của Vũ Văn T là những công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 cái rựa dài 66 cm; 01 thước kéo dài 03 m; 01 dây mực dài 3,2 m là công cụ sử dụng khi khai thác gỗ của Vũ Văn T; 02 sim có số thuê bao 01628977796 và 01628499709 là phương tiện T, H sử dụng để liên lạc trong quá trình khai thác gỗ, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với Chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 000668 mang tên chủ xe Nguyễn H tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với bộ dụng cụ kéo trâu (gồm xích, nỉa, đinh nỉa, ách) để trong rừng không xác định được vị trí, không thu giữ được, nên không xét đến.

Đối với con trâu của bị cáo Vũ Văn T là phương tiện dùng vào việc phạm tội, lẽ ra phải tịch thu toàn bộ nộp ngân sách nhà nước. Tuy nhiên đây là tài sản chung của vợ chồng, bị cáo sử dụng để phạm tội, bà Nguyễn Thị T1 (vợ bị cáo Vũ Văn T) không biết, nên tịch thu 50% con trâu là phù hợp. Nhưng con trâu T bán được 35.000.000 đồng đã nộp cho ngân hàng để trả nợ. Do vậy HĐXX tuyên tịch thu của bị cáo T 50% con trâu có giá trị là 17.500.000 đồng.

Riêng các mẫu gỗ thu giữ khi khám nghiệm hiện trường cần tịch thu và tiêu hủy.

Các vật chứng còn lại, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tách ra để xử lý hành vi vi phạm hành chính và tiếp tục điều tra cùng với các đối tượng liên quan đến vụ án, HĐXX xét thấy phù hợp nên không đề cập.

[9] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Vũ Văn T phải chịu 14.164.000đ (283.273.100đ x 5% = 14.164.000đ); Bị cáo Nguyễn H phải chịu 9.671.000đ (193.419.800đ x 5% = 9.671.000đ); ông Vũ Văn C phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

I/ Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn H phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản". Căn cứ Điểm d Khoản 3 Điều 232; Điểm a Khoản 1 Điều 52; Điểm b, r, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

1/ Bị cáo Vũ Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 24/4/2018.

2/ Bị cáo Nguyễn H 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 24/4/2018.

II/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1/ Buộc bị cáo Vũ Văn T, bị cáo Nguyễn H và ông Vũ Văn C có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ S số tiền 192.639.000 đồng; chia phần cụ thể:

- Bị cáo Vũ Văn T bồi thường số tiền 114.296.600 đồng, đã nộp 15.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 004537 ngày 13/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, còn lại phải bồi thường 99.296.600 đồng (chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi sáu ngàn, sáu trăm đồng).

- Bị cáo Nguyễn H bồi thường số tiền 75.768.800 đồng, đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 004538 ngày 13/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, còn lại phải bồi thường 70.768.800 đồng (bảy mươi triệu, bảy trăm sáu mươi tám ngàn, tám trăm đồng).

- Ông Vũ Văn C bồi thường số tiền 2.573.600 đồng (hai triệu, năm trăm bảy mươi ba ngàn, sáu trăm đồng).

2/ Buộc bị cáo Vũ Văn T và bị cáo Nguyễn H có trách nhiệm liên đới bồi thường để nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 306.627.500 đồng; chia phần cụ thể:

- Bị cáo Vũ Văn T bồi thường số tiền 183.976.500 đồng (một trăm tám mươi ba triệu, chín trăm bảy mươi sáu ngàn, năm trăm đồng).

- Bị cáo Nguyễn H bồi thường số tiền 122.651.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi mốt ngàn đồng).

III/ Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

1/ Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các tài sản sau:

- 08 (tám) phách gỗ xẻ có khối lượng 2,299 m^3 (trong đó Trám Trắng: 06 (sáu) phách có khối lượng 1,854m^3, Xương cá: 02 (hai) phách có khối lượng 0,445m^3); 02 (hai) lóng gỗ tròn có khối lượng 3,537m^3 (gồm Xương cá: 01 (một) lóng có khối lượng 2,827m^3, Trám trắng: 01 (một) lóng có khối lượng 0,710m^3) còn tại hiện trường. Số gỗ này do Ủy ban nhân dân xã T và Ban quản lý rừng phòng hộ S quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/3/2018.

- 03 (ba) phách gỗ xẻ có khối lượng 0,792m^3 (trong đó Xương cá: 01 (một) phách có khối lượng 0,251m^3, Chò xanh: 02 (hai) phách có khối lượng 0,541m^3); 05 (năm) phách gỗ xẻ có khối lượng 1,253m^3 (trong đó Xương cá: 03 (ba) phách có khối lượng 0,607m^3, Chò xanh: 02 (hai) phách có khối lượng 0,646m^3); 32 (ba mươi hai) phách gỗ xẻ Trám trắng có khối lượng 0,798m^3. Số gỗ này hiện đang tạm giữ tại Công an huyện Đ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/6/2018.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS, màu sơn đỏ đen mang biển kiểm soát 92T1 - 011.39; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu MOBISTAR, màu xám; 01 (một) cưa máy nhãn hiệu STIHL MS381, thân máy có vỏ nhựa màu cam, có lưỡi cưa (gồm lam, xích) dài 70 cm; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu GOLY, màu trắng. Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Công an huyện Đ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/6/2018.

2/ Tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 (một) cái rựa dài 66 cm, trong đó phần lưỡi bằng kim loại dài 30 cm và phần cán gỗ dài 36 cm; 01 (một) thước kéo màu xanh dài 3 mét; 01 (một) sợi dây mực màu đen dài 3,2 mét; 02 sim điện thoại số thuê bao 01628977796 và 01628499709. Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Công an huyện Đ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/6/2018.

- 15 mẫu gỗ được cưa từ các gốc chặt được ký hiệu theo số thứ tự 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 13, 14, 15, 16, 17, 19, 20 kèm theo ký hiệu ngày khám nghiệm hiện trường 21.3.18, hiện lưu giữ tại Công an huyện Đ.

3/ Tiếp tục tạm giữ 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000668 để đảm bảo thi hành án. Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Công an huyện Đ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/6/2018.

4/ Tuyên truy thu sung vào ngân sách nhà nước 50% giá trị con trâu là 17.500.000 đồng của bị cáo Vũ Văn T.

IV/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

V/ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Vũ Văn T phải chịu 14.164.000 đồng (mười bốn triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn đồng), bị cáo Nguyễn H phải chịu 9.671.000 đồng (chín triệu sáu trăm bảy mươi mốt ngàn đồng), ông Vũ Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án hoặc nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- VKSND huyện Đông Giang;
- Cơ quan CSĐT huyện Đông Giang;
- Cơ quan THAHS CA huyện Đông Giang;
- Chi cục THADS huyện Đông Giang;
- Nhà tạm giữ CA huyện Đông Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Quang